

Số: 1473/2017/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 443/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 418 B2, Phan Văn Khỏe, Phường T, Quận Q, Thành phố M;

Chỗ ở hiện nay: 165/7E Đường Văn Thân, Phường N, Quận T, Thành phố M.

Người yêu cầu: Ông Chang Wei K, sinh năm 1962

Số hộ chiếu: 305593366 cấp ngày 08/5/2012 tại Đài Nam, Đài Loan.

Địa chỉ: 61 Đoạn 1, đường Cam Viên, khóm 013, phường Đông Viên, khu Thu Lâm, Thành phố Tân Bắc, Đài Loan;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 418 B2, Phan Văn Khỏe, Phường T, Quận Q, Thành phố M;

Chỗ ở hiện nay: 165/7E Đường Văn Thân, Phường N, Quận T, Thành phố M.

Người yêu cầu: Ông Chang Wei K, sinh năm 1962

Số hộ chiếu: 305593366 cấp ngày 08/5/2012 tại Đài Nam, Đài Loan.

Địa chỉ: 61 Đoạn 1, đường Cam Viên, khóm 013, phường Đông Viên, khu Thu Lâm, Thành phố Tân Bắc, Đài Loan;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Chang Wei K thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2241, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp ngày 13/8/2012 không còn giá trị pháp lý.

Con chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047749 ngày 25/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Thiên Hương

